

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 01 – 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Lan**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Trung**
Ông **Lương Hùng Việt**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thu Hằng** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông **Vũ Văn Hội** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST – DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị T**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 398, tổ 9, ấp 9/4, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989; HKTT: khu phố 7, phường B, thành phố P, Ninh Thuận. Địa chỉ tạm trú: Số 398, tổ 9, ấp 9/4, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Nhà trọ N, tổ 10, ấp 9/4, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(Chị T, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 03 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện đi đến kết hôn. Chị và anh T đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố P, Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn

vào ngày 06/5/2015. Sau khi kết hôn thì chị T và anh T thuê phòng trọ tại xã H để sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2016 nguyên nhân do từ khi chị sinh con điều kiện kinh tế vợ chồng ngày càng khó khăn, công việc của anh T không ổn định. Anh T không có ý thức tạo lập kinh tế trong gia đình, ham chơi không phụ chị lo cho con cái. Chị T đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy nên vợ chồng thường cãi nhau và xúc phạm danh dự lẫn nhau. Mặt khác, anh T là người nóng nảy, mỗi lần mâu thuẫn xảy ra anh T thường đập phá đồ đạc trong nhà đánh đập chị T. Do mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng tháng 5/2020 chị T đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện T. Do anh T hứa sẽ khắc phục bản thân nên chị đã rút đơn cho anh T một cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên anh T vẫn không chịu khắc phục. Vào cuối năm 2020 anh T bỏ ra nhà trọ để sinh sống. Từ đó đến nay, chị và anh T không còn sự quan tâm đến nhau, anh T nhiều lần kiểm chị cũng chỉ để gây gổ rồi cãi nhau. Gia đình hai bên cũng không thể nói chuyện hòa giải cho anh chị. Chị T xác định không còn tình cảm để chung sống với anh T, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là Nguyễn Thiên V, sinh ngày 01/6/2016. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân thu nhập bình quân từ 6 đến 8 triệu/tháng. Ngoài ra còn có cha mẹ đẻ phụ giúp về tài chính và thời gian để đưa đón cháu đi học. Con chung hiện sống cùng chị tại ấp 9/4, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao cháu Nguyễn Thiên V, sinh ngày 01/6/2016 cho chị Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi

con. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Buộc chị Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Thị T đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Nguyễn Văn T. Anh T cư trú tại: ấp 94 xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thị T và anh Nguyễn Văn T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau công việc trong gia đình. Quá trình ly thân giữa anh chị cũng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà thường xuyên gây gổ, tranh cãi làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm căng thẳng là có căn cứ phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vào khoảng tháng 5/2020 chị T cũng đã nộp đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh T, tuy nhiên do anh T hứa hẹn sửa đổi nên chị T đã rút đơn để hai vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm cùng nhau nuôi dạy con cái tuy nhiên anh T không thay đổi. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T đã được tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng nhưng anh T đều vắng mặt, qua đó thể hiện việc anh T bỏ mặc, không còn mong muốn việc hàn gắn quan hệ hôn nhân của chị T và anh T.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn

nhân của chị T và anh T đã thiếu sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, trong thời gian ly thân anh chị cũng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến không có điều kiện hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống. Xét thấy cuộc sống chung của chị T và anh T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiên V, sinh ngày 01/6/2016.

Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thiên V, nhận thấy: Hiện tại cháu V đang sống chung với chị T, chị T làm công nhân thu nhập bình quân từ 6 đến 8 triệu/tháng. Ngoài ra còn có cha mẹ để phụ giúp về tài chính và thời gian để đưa đón cháu đi học. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thiên V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có ý kiến trình bày về yêu cầu của mình, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Thị T

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Thị T và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. *Về con chung*:

Giao cháu Nguyễn Thiên V, sinh ngày 01/6/2016 cho chị Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn T do chị Thị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0006547 ngày 05 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND phường B, TP. P, T. Ninh Thuận
(quyển số 01/2015 ngày 06/5/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, - tỉnh Đồng Nai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Thơm**

2. Bà **Hà Thị Linh Thúy**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, về “Xin ly hôn”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng Vương** - sinh năm: 1985

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Lâm Quang Tuấn** - sinh năm: 1986

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trưng tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

* Ý kiến của HTND Thơm: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

* *Ý kiến của HTND - Thúy*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thom.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về điều luật áp dụng, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung:

* *Ý kiến của HTND - Thúy*:

- Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hồng Vương và ông Lâm Quang Tuấn được ly hôn .

- Về nuôi con chung:

+ Giao cháu Lâm Gia Hân - sinh ngày: 06/11/2011 cho bà Vương tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Ông Lâm Quang Tuấn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bù khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

+ Ông Tuấn được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Vương phải bào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 002211 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

* *Ý kiến của HTND Thom*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thúy.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về nội dung, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA